

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	65	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm		Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	65	Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	=	455.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	65	Học sinh	Tiền ăn:	24.000 đồng	=	1.560.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:		Học sinh	Tiền ăn:	đồng	=	0 đồng
8.	Tiền thu:	2.015.000	đồng		31.000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	2.015.000	đồng				
10.	Tiền thiếu:				0 đồng		

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	19,5	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	2,0	50.000	100.000	
3	Nước mắm	Lít	1,0	13.800	13.800	
4	Mỳ chính	Kg	1,0	55.000	55.000	
5	Bột canh	Kg	1,0	20.000	20.000	

6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	3,4	38.000	129.200	
8	Nước lau nhà	Lít	3,6	30.000	108.000	
9	Gas đun bếp	Kg	4,0	36.000	144.000	
10	Bánh rán	Cái	195,0	3.000	585.000	
11	Thịt lợn rang	Kg	4,0	120.000	480.000	
12	Thịt xay (xào khoai tây, bầu)	Kg	1,5	120.000	180.000	
13	Khoai tây (xào)	Kg	4,0	17.000	68.000	
14	Bí xanh(canh)	Kg		10.000	-	
15	Dưa hấu	Kg		20.000	-	
16	Thịt gà chiên	Kg		80.000	-	
17	Bột chiên	Kg	1,0	28.000	28.000	
18	Bí Non (Xào)	Kg		10.000	-	
19	Bầu (canh)	Kg	3,0	10.000	30.000	
20	Dưa hấu	Kg	3,0	20.000	60.000	
21	Tỏi	Kg		40.000	-	
22	Hành lá	Kg	0,35	40.000	14.000	
					2.015.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

KẾ TOÁN CÔNG TY



Đỗ Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Mười

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải



Dương Anh Tuấn

